

Số: 3678/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn**

CÔNG VĂN ĐẾN	CTY CP. ĐT TÍN NGHĨA Á CHÂU
	Số: 85
	Giờ: 03/11/16 Ngày: 03/11/16

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Thông tư số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở và Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị quyết số 117/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về điều chỉnh Nghị quyết số 114/2008/NQ-HĐND ngày 24/7/2008 về chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Trên cơ sở văn bản số 1883/BXD-PTĐT ngày 31/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc phúc đáp văn bản số 5638/UBND-CNN ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Xét Tờ trình số 263/TTr-SXD ngày 31/10/2016 của Sở Xây dựng về việc đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn tại phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa - Á Châu tại Tờ trình số 108/CV-CT ngày 22/8/2016 về việc đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn tại phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn.
2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa - Á Châu.
3. Địa điểm, ranh giới, diện tích chiếm đất của dự án:
 - Địa điểm: phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
 - Dự án Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn tại phường Tân Vạn có quy mô sử dụng đất khoảng $480.465,4m^2$, phạm vi ranh đất được giới hạn bởi:
 - + Phía Bắc: giáp Sông Đồng Nai.
 - + Phía Nam: giáp rạch Bà Lò và xã Bình An, huyện Dĩ An, Bình Dương.
 - + Phía Đông: giáp sông Đồng Nai.
 - + Phía Tây: giáp rạch Ông Dầu, phường Tân Vạn.
4. Mục tiêu của dự án:

Đầu tư xây dựng mới Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cao cấp có mật độ xây dựng thấp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh gắn kết nhằm đáp ứng các nhu cầu hoạt động dịch vụ và du lịch của đô thị, nhu cầu phục vụ cho các chuyên gia làm việc và người dân tại khu vực.
5. Hình thức đầu tư: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện và quản lý dự án.
6. Nội dung sơ bộ dự án:
 - a) Nội dung đầu tư của dự án, bao gồm:
 - Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch gồm: san nền - kè chắn đất, hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc,...
 - Xây dựng các công trình hạ tầng xã hội gồm: trường mẫu giáo, trường tiểu học, công trình y tế, công trình thương mại dịch vụ (siêu thị), công trình dịch vụ thể thao (sân tập golf, sân tennis), công trình hỗn hợp, công viên cây xanh.
 - Xây dựng công trình nhà ở tại các vị trí phải xây dựng nhà ở để kinh doanh gồm: nhà liên kế sân vườn, biệt thự song lập, biệt thự đơn lập.
 - Số lượng và tỷ lệ các loại nhà ở như sau:
 - + Tổng số lượng căn nhà: khoảng 571 căn, với tổng diện tích đất khoảng $161.621,46 m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: $195.562m^2$, trong đó:
 - * Nhà liên kế sân vườn: 206 căn, với tổng diện tích đất khoảng $27.385,30m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng $51.912m^2$.
 - * Nhà biệt thự song lập: 200 căn, với tổng diện tích đất khoảng $56.017,56m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng $77.100m^2$.

* Nhà biệt thự đơn lập: 165 căn, với tổng diện tích đất khoảng 78.218,60m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 66.550m².

b. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

- Bán 154 căn nhà với tổng diện tích đất là 31.946 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 42.488 m², trong đó:

+ Bán 96 nhà liên kế vườn với tổng diện tích đất khoảng 13.871m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 22.876 m².

+ Bán 56 nhà biệt thự song lập với tổng diện tích đất khoảng 17.314m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 18.960 m².

+ Bán 02 nhà biệt thự đơn lập với tổng diện tích đất khoảng 761m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 652 m².

- Bán 417 lô đất nền đã xây dựng hoàn thiện hạ tầng theo quy hoạch được duyệt cho người dân tự xây dựng nhà ở với tổng diện tích đất là 129.675,46 m², trong đó:

+ Bán 110 lô đất nền nhà liên kế vườn với tổng diện tích đất khoảng 13.514,3m² (tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 29.036 m²).

+ Bán 144 lô đất nền nhà biệt thự song lập với tổng diện tích đất khoảng 38.703,56m² (tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 58.140 m²).

+ Bán 163 lô đất nền nhà biệt thự đơn lập với tổng diện tích đất khoảng 77.457,6m² (tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 66.898 m²).

c) Vị trí được chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Các lô đất chủ đầu tư được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở sau khi đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt: Tổng số lô đất chuyển nhượng là 417 lô, chiếm tỷ lệ 73,03% trên tổng số 571 lô đất của dự án (danh sách chi tiết tại phụ lục và bản vẽ kèm theo).

7. Khái toán tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư dự kiến của dự án khoảng: 3.082.507.339.283 đồng.

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	1.766.995.179.639 đồng
Chi phí đất và tiền sử dụng đất:	733.353.249.800 đồng
Chi phí khác:	130.409.092.019 đồng
Chi phí xây dựng 02 đường vào dự án:	53.035.039.624 đồng
Chi phí lãi vay:	45.315.742.593 đồng
Dự phòng phí:	353.399.035.608 đồng
Tổng cộng:	3.082.507.339.283 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn huy động khác.

9. Thời gian và tiến độ thực hiện dự kiến:

Thời gian, tiến độ thực hiện dự kiến của dự án: 07 năm, từ năm 2016 đến năm 2022. Trong đó:

- Giai đoạn I (2016-2018) thực hiện đầu tư phân khu 1 (20,5ha);
- Giai đoạn II (2019-2020) đầu tư phân khu 2 (11,5ha);
- Giai đoạn III (2021-2022) đầu tư phân khu 3 (16ha).

10. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất để thực hiện dự án.

11. Đất dành cho xây dựng nhà ở xã hội:

Theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh Đồng Nai duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 thì trong khu vực dự án khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn không bố trí nhà ở xã hội, việc bố trí quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội được thay thế tại phạm vi khoảng 10ha trong khu tái định cư phường Tân Vạn khoảng 15,5ha. Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa - Á Châu phải thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật và bàn giao cho UBND thành phố Biên Hòa quản lý và phát triển nhà ở xã hội trước khi đưa dự án Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn vào kinh doanh.

12. Các công trình hạ tầng được chuyển giao cho Nhà nước: Các công trình công cộng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật,.. sau khi đầu tư xây dựng hoàn chỉnh Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa - Á Châu sẽ bàn giao lại cho các cơ quan quản lý nhà nước.

13. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án và triển khai các công việc tiếp theo phù hợp với các quy định của Luật Nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan sau khi được chấp thuận đầu tư.

- Thực hiện ký quỹ để thực hiện dự án theo quy định; đóng tiền bảo lãnh thực hiện giao dịch nhà ở theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; bảo đảm năng lực tài chính để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong dự án theo đúng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 và các quy định trong kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt; nội dung quyết định chủ trương dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tuân thủ thiết kế, tiêu chuẩn diện tích nhà ở và tiến độ của dự án đã được phê duyệt.

- Khẩn trương hoàn tất các thủ tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng phần diện tích đất trong phạm vi khoảng 10ha thuộc Khu tái định cư phường Tân Vạn (15,5ha) để bố trí nhà ở xã hội cho dự án trước khi đưa dự án Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn vào kinh doanh. Trong trường hợp việc triển khai thực hiện xây dựng phần diện tích đất để bố trí nhà ở xã hội trong phạm vi 10 ha thuộc Khu tái định cư Tân Vạn chưa triển khai được; Sở Xây dựng có trách nhiệm giám sát, yêu cầu chủ đầu tư xác định cụ thể vị trí quỹ đất 20% đã đầu tư xây dựng hạ

tăng kỹ thuật trong dự án Khu dân cư, dịch vụ và du lịch cù lao Tân Vạn để xây dựng nhà ở xã hội trước khi đưa dự án vào kinh doanh.

- Chỉ được phép thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sau khi dự án đã được thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ; các quy định khác có liên quan; sau khi đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật được Sở Xây dựng cùng các Sở, ngành, địa phương kiểm tra thống nhất đưa vào sử dụng và bàn giao quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội cho UBND thành phố Biên Hòa quản lý.

- Tổ chức theo dõi và phối hợp với Sở Xây dựng, UBND thành phố Biên Hòa cùng các đơn vị liên quan để giám sát, kiểm tra đảm bảo việc xây dựng nhà ở của người dân đúng theo quy hoạch chi tiết, thiết kế mẫu nhà đã được duyệt.

- Thực hiện báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện dự án theo định kỳ và khi kết thúc dự án theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng kinh doanh sản phẩm của dự án, bàn giao nhà ở và các giấy tờ liên quan đến nhà ở giao dịch cho khách hàng; thực hiện giao dịch mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở và kinh doanh quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

- Trong thời hạn 50 ngày, kể từ ngày bàn giao nhà ở cho người mua hoặc kể từ thời điểm bên thuê mua đã thanh toán đủ tiền theo thỏa thuận thì phải làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho người mua, người thuê nhà ở, trừ trường hợp người mua, thuê mua tự nguyện làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

- Bảo hành nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở 2014 và pháp luật về xây dựng; thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành các quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hành vi vi phạm pháp luật khi có sai phạm trong việc phát triển nhà ở, huy động vốn, ứng tiền trước của khách hàng, thực hiện các giao dịch nhà ở và các hoạt động khác. Bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại cho khách hàng hoặc cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia đầu tư xây dựng nhà ở.

- Trước khi phê duyệt và triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải liên hệ với các cơ quan đơn vị liên quan (cấp điện, cấp nước, viễn thông) để thỏa thuận đầu nối và được các cơ quan có thẩm quyền liên quan chấp thuận.

14. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương:

- UBND Thành phố Biên Hòa thực hiện cập nhật nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 và Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 vào hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- UBND thành phố Biên Hòa và các cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương có trách nhiệm tiếp nhận hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng do Chủ đầu tư bàn giao và tổ chức quản lý theo quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường sớm trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, làm cơ sở để Chủ đầu tư phê duyệt dự án và thực hiện đầu tư xây dựng. Phối hợp với các đơn vị liên quan giám sát việc xây dựng Dự án của chủ đầu tư, đảm bảo không lấn chiếm sử dụng đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, có trách nhiệm di dời các công trình trên đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước ngay sau khi danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được công bố.

- Sở Xây dựng phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ đầu tư rà soát, cập nhật các quy chuẩn, tiêu chuẩn mới trước khi phê duyệt Dự án, trong quá trình thẩm định thiết kế cần lưu ý tác động của thủy triều để xác định cao độ nền của dự án cho phù hợp.

- Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương, giám sát Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ và quy hoạch được duyệt, các quy định về bảo vệ môi trường,.... theo dõi và có trách nhiệm giám sát, kiểm tra đảm bảo việc xây dựng nhà ở của người dân đúng theo quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, thiết kế mẫu nhà, quy định quản lý kiến trúc của dự án đã được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Cục Thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND phường Tân Vạn, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa - Á Châu, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC

Danh sách các vị trí được chuyển nhượng sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch cho người dân tự xây dựng nhà ở tại dự án Khu dân cư dịch vụ và du lịch Cù lao Tân Vạn
(kèm theo Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh)

Khu vực 1

Tên dãy	Tên lô được chuyển nhượng	Số lô	Diện tích (m2)	Đường QH tiếp giáp	Lộ giới (m)
LK1	Từ lô LK1-12 đến lô LK1-18	7	920	D8	13
LK2	Từ lô LK2-1 đến lô LK2-13	13	1.649	D8	13
BTSL1	Từ lô BTSL1-1 đến lô BTSL1-8	8	2.111	D7	13
BTSL2	Từ lô BTSL2-1 đến lô BTSL2-8 và BTSL2-13 đến BTSL2-20	16	4.453	D7	13
				D6	13
BTSL3	Từ lô BTSL3-1 đến lô BTSL3-9	9	2.264	D6	13
BTĐL1A	Từ lô BTĐL1A1-1 đến lô BTĐL1A-3	3	2.454	D4	20,5
BTĐL1B	Từ lô BTĐL1B-4 đến lô BTĐL1B-6	3	2.558	D4	20,5
BTĐL1C	Từ lô BTĐL1C-7 đến lô BTĐL1C-9	3	2.379	D4	20,5
BTĐL2	Từ lô BTĐL2-1 đến lô BTĐL2-5	5	4.463	D5	13
BTĐL3A	Từ lô BTĐL3A-2 đến lô BTĐL3A-7	6	2.375	D4	20,5
BTĐL3B	Từ lô BTĐL3B-8 đến lô BTĐL3B-14 và Từ lô BTĐL3B-15 đến lô BTĐL3B-19	12	5.045	D4	20,5
				D5	13
Tổng cộng		85	30.672		

Khu vực 2

Tên dãy	Tên lô được chuyển nhượng	Số lô	Diện tích (m ²)	Đường QH tiếp giáp	Lộ giới (m)
LK3	Từ lô LK3-18 đến lô LK3-27	10	1.200	D8A	13
LK4A	Từ lô LK4A-7 đến lô LK4A-13	7	900	D8A	13
LK4B	Từ lô LK4B-14 đến lô LK4B-19	6	721	D8A	13
BTSL4	Từ lô BTSL4-2 đến lô BTSL4-4	3	1.204	D6	13
BTSL5A	Từ lô BTSL5A-2 đến lô BTSL5A-4	3	943	D7	13
BTSL5B	Từ lô BTSL5B-5 đến lô BTSL5B-10 và Từ lô BTSL5B-15 đến lô BTSL5B-16	8	2.518	D7	13
				D6	13
BTSL6A	Từ lô BTSL6A-2 đến lô BTSL6A-4	3	837	D7	13
BTSL6B	Từ lô BTSL6B-5 đến lô BTSL6B-8	4	1.124	D7	13
Tổng cộng		44	9.447		

Khu vực 3

Tên dãy	Tên lô được chuyển nhượng	Số lô	Diện tích (m2)	Đường QH tiếp giáp	Lộ giới (m)
LK5	Từ lô LK5-16 đến lô LK5-24	9	1.080	D8A	13
LK6A	Từ lô LK6A-2 đến lô LK6A-7	6	721	D8A	13
LK6B	Từ lô LK6B-8 đến lô LK6B-15	8	961	D8A	13
BTSL7A	Từ lô BTSL7A-2 đến lô BTSL7A-4	3	827	D7	13
BTSL7B	Từ lô BTSL7B-5 đến lô BTSL7B-8	4	1.200	D7	13
BTSL8A	Từ lô BTSL8A-2 đến lô BTSL8A-6 và Từ lô BTSL8A-8 đến lô BTSL8A-12	10	2.501	D7	13
				D9	15
BTSL8B	Từ lô BTSL8B-13 đến lô BTSL8B-16 và Từ lô BTSL8B-21 đến lô BTSL8B-24	8	2.111	D9	15
				D7	13
BTSL9A	Từ lô BTSL9A-2 đến lô BTSL9A-6	5	1.334	D9	15
BTSL9B	Từ lô BTSL9B-21 đến lô BTSL9B-24	4	1.027	D9	15
Tổng cộng		57	11.761		

Khu vực 4

Tên dãy	Tên lô được chuyển nhượng	Số lô	Diện tích (m2)	Đường QH tiếp giáp	Lộ giới (m)
LK7A	Từ lô LK7A-15 đến LK7A-23	9	1.080	D8B	13
LK7B	Từ lô LK7B-24 đến lô LK7B-35	12	1.469	D8B	13
LK8A	Từ lô LK8A-7 đến lô LK8A-16	10	1.200	D8B	13
LK8B	Từ lô LK8B-17 đến lô LK8B-29	13	1.614	D8B	13
BTSL10A	Từ lô BTSL10A-1 đến lô BTSL10A-6	6	1.500	D7A	13
BTSL10B	Từ lô BTSL10B-7 đến lô BTSL10B-14	8	2.021	D7A	13
BTSL11A	Từ lô BTSL11A-5 đến lô BTSL11A-10	12	3.000	D7A	13
	Từ lô BTSL11A-11 đến lô BTSL11A-16			D9	15
BTSL11B	Từ lô BTSL11B-17 đến lô BTSL11B-24	16	4.089	D9	15
	Từ lô BTSL11B-25 đến lô BTSL11B-32			D7A	13
BTSL12A	Từ lô BTSL12A-5 đến lô BTSL12A-12	8	2.011	D9	15
BTSL12B	Từ lô BTSL12B-25 đến lô BTSL12B-30	6	1.628	D9	15
Tổng cộng		100	19.611		

Khu vực 5

Tên dãy	Tên lô được chuyển nhượng	Số lô	Diện tích (m2)	Đường QH tiếp giáp	Lộ giới (m)
BTĐL4A	Từ lô BTĐL4A-1 đến lô BTĐL4A-6	11	4.404	N5	13
	Từ lô BTĐL4A-7 đến lô BTĐL4A-11			N6	13
BTĐL4B	Từ lô BTĐL4B-12 đến lô BTĐL4B-16	10	3.500	N6	13
	Từ lô BTĐL4B-17 đến lô BTĐL4B-21			N5	13
BTĐL5	Từ lô BTĐL5-1 đến lô BTĐL5-9	17	6.663	N6	13

	Từ lô BTĐL5-10 đến lô BTĐL5-17			N7	13
BTĐL6	Từ lô BTĐL6-1 đến lô BTĐL6-7	7	2.584	N7A	13
BTĐL7	Từ lô BTĐL7-1 đến lô BTĐL7-7	14	5.200	N7A	13
	Từ lô BTĐL7-8 đến lô BTĐL7-14			N8	13
BTĐL8	Từ lô BTĐL8-1 đến lô BTĐL8-7	13	5.223	N7	13
	Từ lô BTĐL8-8 đến lô BTĐL8-13			N8	13
BTĐL9	Từ lô BTĐL9-1 đến lô BTĐL9-5	9	3.782	N8	13
	Từ lô BTĐL9-6 đến lô BTĐL9-9			N9	13
BTĐL10	Từ lô BTĐL10-1 đến lô BTĐL10-6	11	4.054	N8	13
	Từ lô BTĐL10-7 đến lô BTĐL10-11			N9A	13
BTĐL11	Từ lô BTĐL11-1 đến lô BTĐL11-3	3	1.120	N9A	13
BTĐL12	Từ lô BTĐL12-1 đến lô BTĐL12-3	3	1.308	N9	13
BTĐL13A	Từ lô BTĐL13A-1 đến lô BTĐL13A-5	5	2.823	D9	15
BTĐL13B	Từ lô BTĐL13B-6 đến lô BTĐL13B-10	5	2.821	D9	15
BTĐL13C	Từ lô BTĐL13C-11 đến lô BTĐL13C-14	4	2.594	D9	15
BTĐL13D	Từ lô BTĐL13D-15 đến lô BTĐL13D-18	4	2.123	D9	15
BTĐL14A	Từ lô BTĐL14A-1 đến lô BTĐL14A-4	4	3.091	D9	15
BTĐL14B	Từ lô BTĐL14B-5 đến lô BTĐL14B-7	3	2.171	D9	15
BTĐL14C	Từ lô BTĐL14C-8 đến lô BTĐL14C-11	4	2.398	D9	15
BTĐL14D	Từ lô BTĐL14D-12 đến lô BTĐL14D-15	4	2.325	D9	15
Tổng cộng		131	58.183		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Trần Văn Vĩnh